TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/DS-ST
Ngày 28 - 12 - 2023
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Mân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Nguyễn Huỳnh Anh**.

Bà **Lâm Thị Ngọc Huyền**.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Võ Thanh Tòng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số: 526/2021/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc: "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà ST, số 111 A, phường B, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V- Chức vụ Tổng Giám đốc.Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ: Bà Trần Thị Thu H – GĐTTQLN NHBL. Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Anh Dương Hữu T – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, U, phường ZZ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Hồ Minh Tr, sinh năm 1981

Lê Thị Hạnh Ng, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Số 313A, khóm B, thị trấn L, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

* Anh T có mặt, ông Tr, bà Ng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có người đại diện theo ủy quyền là anh Dương Hữu T trình bày:*

Ngày 29/12/2017, Ngân hàng TMCP Q Quận 6 ký với ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng theo Hợp đồng tín dụng số 0355. HĐTD.630.V với nội dung Ngân hàng cho ông Tr và bà Ng vay số tiền 510.000.000 đồng; mục đích giải ngân: thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, số loại CRUZE, biển số 66A – 062.46 theo Hợp đồng mua bán xe số ĐĐT 170.861 ký ngày 20/12/2017; thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 30/12/2017 đến ngày 29/12/2024. Lãi suất tại thời điểm giải Ngân 7.99%/năm. Mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở có 365 ngày là 8.10%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải Ngân khoản vay. Hết thời hạn nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.09%/năm. Nếu pháp có quy định, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm 360 sang cơ sở một năm có 365 ngày sẽ được xác định theo công thức sau: Lãi suất quy đổi bằng mức lãi suất cho vay.

Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng trả gốc 6.070.000 đồng, tháng cuối trả 6.190.000 đồng. Hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày 25, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25/01/2018. Trả phí theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Tr và bà Ng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0355.KUNN.630.V ngày 29/12/2017 với số tiền 510.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2018, ông Tr có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với sự thống nhất của vợ là bà Lê Thị Hạnh Ng. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Tr với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng; loại thẻ VIB Platinum, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ.

Các khoản vay trên có tài sản bảo đảm, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện ô tô số 03.55. HĐTC.630.VIB ngày 29/12/2017 tài sản là xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, số loại CRUZE, biển số 66A – 062.46. Hiện tại Ngân hàng không biết tài sản bảo đảm này đang ở đâu và không biết vợ chồng ông Tr, bà Ng còn sử dụng không nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp này.

Tạm tính đến ngày 28/12/2023, ông Tr và bà Ng đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 177.140.757 đồng; trong đó HĐTD số 0355. HĐTD.630.V ngày 29/12/2017 với số tiền gốc là 144.237.000 đồng và lãi 32.903.757 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Tr và bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, khoản vay bị quá hạn từ ngày 26/11/2018; mặc dù Ngân hàng

luôn đôn đốc ông Tr và bà Ng thanh toán dứt nợ nhưng ông Tr và bà Ng vẫn không thực hiện, cô tình kéo dài thời gian trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu buộc ông Hồ Minh T và bà Lê Thị Hạnh Ng phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền vay và lãi là 1.023.622.665 đồng (trong đó nợ gốc 365.763.000 đồng và tiền lãi là 2.472.470.000 đồng và nợ lãi quá hạn 364.385.463 đồng; nợ thẻ tín dụng là 291.001.732 đồng tạm tính đến ngày 28/12/2023). Ngoài ra, ông Tr, bà Ng còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng; khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Hợp đồng thế chấp phương tiện ô tô số 0355.HĐTC.630.V ngày 29/12/2017 đã ký giữa Ngân hàng với ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng.

- Bị đơn ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng mặc dù Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng ông Tr và bà Ng, cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với ông Tr, bà Ng vắng mặt là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là: "*Tranh chấp về hợp đồng Vay tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng, có địa chỉ: số 313A, khóm B2, thị trấn L, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2023/QĐST-DS ngày 24/11/2023 thì Kiểm sát viên chính thức là bà Nguyễn Thị Ph. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm do bà Ph bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa được thay thế bằng ông Nguyễn Minh Th là Kiểm sát viên dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này và không có khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung. Theo xác nhận của Công an thị trấn L ngày 27/6/2023 cung cấp thông tin cho Tòa án xác nhận ông Tr và bà Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú khóm B2, thị trấn L, huyện Lấp Vò. Do đó, Tòa án đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông Tr, bà Ng đều không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không có mặt tại các buổi hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 28/12/2023.Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều của 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng.

Theo văn bản ủy quyền trước đây thì phía nguyên đơn ủy quyền cho ông Bùi Phúc V. Trong quá trình Tòa án giải quyết thì phía nguyên đơn có nộp văn bản ủy quyền mới ngày 25/12/2023 thay cho văn bản ủy quyền trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T xác định phía nguyên đơn đã hủy văn bản ủy quyền cho anh V và thay thế bằng bản ủy quyền mới này. Theo đó, anh T là người đại diện theo ủy quyền mới của nguyên đơn để tham gia vụ án này. Xét thấy, việc thay đổi trên là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu buộc ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền vay và lãi là 1.023.622.665 đồng (trong đó nợ gốc 365.763.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 2.472.470.000 đồng và lãi quá hạn 364.385.463 đồng; nợ thẻ tín dụng số tiền 291.001.732 đồng tạm tính đến ngày 28/12/2023). Ngoài ra, ông Tr và bà Ng còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô; khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP Q; Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Hợp đồng thế chấp phương tiện ô tô số 0355.HĐTC.630.V ngày 29/12/2017 đã ký giữa Ngân hàng với ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng.

[4]. Xét Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số: 0355.HDTD.630.VIB và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0355.KUNN.630.VIB cùng ngày 29/12/2017 thể hiện Ngân hàng TMCP Q và ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng đã tự nguyện ký kết Hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân; ông Tr, bà Ng có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng ông Tr, bà Ng đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Ông Tr, bà Ng có ký tên vay và đã ký nhận đủ số tiền vay 510.000.000 đồng; mục đích vay giải ngân là thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET phù hợp với các tài liệu chứng có trong hồ sơ vụ án; chứng minh ông Tr và bà Ng có vay tiền là sự thật đây là tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng

dân sự. Sau đó, đến ngày 30/7/2018, ông Tr yêu cầu Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mở tài khoản có sự thống nhất của bà Lê Thị Hạnh Ng; Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Tr với hạn mức 50.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Do đó, việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015 và phù hợp với Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng cho vay mua xe ô tô, Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và quá trình thực hiện Hợp đồng thì ông Tr và bà Ng có trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 144.237.000 đồng và lãi 32.903.757 đồng.Tổng cộng gốc và lãi đã trả được cho Ngân hàng là 177.140.757 đồng còn nợ nợ gốc 365.763.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/12/2023 là 366.857.933 đồng.

Sau đó, ông Tr và bà Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã ký. Tại phiên tòa, đại diện của Ngân hàng xác định, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, nợ lãi, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo yêu cầu trả nợ và tạo điều kiện cho ông Tr, bà Ng thực hiện các cam kết, thỏa thuận trả nợ nhưng đến nay ông Tr và bà Ng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, có cơ sở xác định ông Tr, bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô và đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ và nợ thẻ tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Tr và bà Ng trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay nợ gốc còn lại là 365.763.000 đồng và nợ thẻ tín dụng số tiền 291.001.732 đồng là có căn cứ và phù hợp với Điều 466 Bộ luật sự và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5]. Về phần lãi suất: Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông Tr và bà Ng trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn kể từ ngày 28/12/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số: 0355.HDTD.630.V và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0355.KUNN.630.V cùng ngày 29/12/2017. Theo thỏa thuận, ông Tr và bà Ng có trách nhiệm trả tiền lãi cho Ngân hàng định theo kỳ nhưng đến nay ông Tr và bà Ng không thực nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Tr và bà Ng trả số tiền lãi trong hạn là 2.472.470 đồng và nợ lãi quá hạn là 364.385.463 đồng. Tổng cộng tiền lãi ông Tr, bà Ng còn nợ Ngân hàng số tiền 366.857.933 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín vay mua ô tô và đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho ông Tr và bà Ng nhưng đến nay ông Tr và bà Ng cũng không có Văn bản trình bày ý kiến và văn bản phản đối gì đối với yêu cầu của Ngân hàng gửi cho Tòa án. Ông Tr và bà Ng phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay theo yêu cầu của Ngân hàng nên đại

diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu ông Tr, bà Ng trả tiền lãi trong hạn và quá hạn và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện ô tô số 0355. HĐTC.630.VIB ngày 29/12/2017 tài sản là xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, số loại CRUZE, biển số 66A – 062.46. Tại phiên tòa anh T xác định; Ngân hàng không biết tài sản bảo đảm này đang ở đâu và không biết vợ chồng ông Tr, bà Ng có còn sử dụng hay sang bán cho người khác nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những nhận định phân tích nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 và Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Buộc ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số tiền vay gốc còn nợ là 365.763.000 đồng và tiền lãi trong hạn 2.472.470 đồng và lãi quá hạn 364.385.463 đồng và nợ thẻ tín dụng là 291.001.732 đồng. Tổng cộng là 1.023.622.665 đồng (*Một tỷ*

không trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 29/12/2023, ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0355.HĐTD.630.V và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0355.KUNN.630.V đã ký ngày 29/12/2017 cho đến khi trả nợ xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Minh Tr và bà Lê Thị Hạnh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.709.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn đồng*).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.140.000 đồng theo biên lai thu số 0002238 ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS ND huyện Lấp Vò;
- CCTHA dân sự huyện Lấp Vò;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mân